**PHẦN 1: PHẦN LÝ THUYẾT**

**Câu 1. Đây không phải là một trong những định hướng chính để đẩy mạnh công cuộc Đổi mới.** A. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển tri thức. B. Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế để tăng thêm sức mạnh quốc gia. C. Phát triển nền văn hoá mới đậm đà bản sắc dân tộc. D. Đẩy mạnh phát triển kinh tế ở các vùng núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa.

**Câu 2. Khoán 10 là :** A. Chính sách khoán sản phẩm theo khâu đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp. B. Chính sách khoán gọn theo đơn giá đến hộ xã viên trong hợp tác xã nông nghiệp. C. Chính sách Đổi mới đầu tiên của nước ta được thực hiện trong lĩnh vực nông nghiệp. D. Chính sách khoán trong nông nghiệp được Bộ Chính trị đưa ra vào tháng 1 - 1981.

**Câu 3. Sự kiện có ý nghĩa đặc biệt diễn ra vào giữa thập niên 90 đánh dấu xu thế hội nhập của nước ta:** A. Gia nhập WTO và bình thường hoá quan hệ với Hoa Kì. B. Gia nhập ASEAN và kí thương ước với Hoa Kì. C. Gia nhập ASEAN và bình thường hoá quan hệ với Hoa Kì. D. Gia nhập APEC và bình thường hoá quan hệ với Hoa Kì.

**Câu 4. Việt Nam gia nhập ASEAN vào…….và là thành viên thứ…… của tổ chức này.**

A. Tháng 7/1995 và 7. B. Tháng 4/1995 và 6. C. Tháng 7/1998 và 5. D. Tháng 7/1998 và 7.

**Câu 5. Những thách thức lớn của nước ta khi hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới?** A. Khó khăn trong việc tiếp cận với thị trường mới, nhất là thị trường các nước tư bản. B. Cạnh tranh về kinh tế, thương mại, tài nguyên, năng lượng, thị trường, nguồn vốn và công nghệ. C. Chất lượng sản phẩm thấp, khó cạnh tranh với thị trường quốc tế và khu vực. D. Nền kinh tế còn trong tình trạng chậm phát triển.

**Câu 6. Nội thuỷ là :**

A. Vùng nước tiếp giáp với đất liền nằm ven biển. B. Vùng nước tiếp giáp với đất liền phía trong đường cơ sở.

C. Vùng nước cách đường cơ sở 12 hải lí. D. Vùng nước cách bờ 12 hải lí.

**Câu 7. Đường cơ sở của nước ta được xác định là đường :**

A. Nằm cách bờ biển 12 hải lí.         B. Nối các  điểm có độ sâu 200 m. C. Nối các mũi đất xa nhất với các đảo ven bờ. D. Tính từ mức nước thủy triều cao nhất đến các đảo ven bờ.

**Câu 8. Loại gió có tác động thường xuyên đến toàn bộ lãnh thổ nước ta là :**

A. Gió mậu dịch. B. Gió mùa. C. Gió phơn. D. Gió địa phương.

**Câu 9. Đối với vùng đặc quyền kinh tế, Việt Nam cho phép các nước :** A. Được thiết lập các công trình và các đảo nhân tạo. B. Được tổ chức khảo sát, thăm dò các nguồn tài nguyên. C. Được tự do hàng hải, hàng không, đặt ống dẫn dầu và cáp quang biển. D. Tất cả các ý trên.

**Câu 10. Đai rừng ôn đới núi cao của nước ta chỉ xuất hiện ở :**

A. Độ cao trên 1 000 m. B. Độ cao trên 2 000 m. C. Độ cao trên 2 400 m. D. Độ cao thay đổi theo miền.

**Câu 11. Địa hình đồi núi đã làm cho :**

1. Miền núi nước ta có khí hậu mát mẻ thuận lợi để phát triển du lịch.
2. Nước ta giàu có về tài nguyên rừng với hơn 3/4 diện tích lãnh thổ
3. Sông ngòi nước ta có tiềm năng thuỷ điện lớn với công suất trên 30 triệu kW.
4. Các đồng bằng thường xuyên nhận được lượng phù sa bồi đắp lớn.

**Câu 12. Trở ngại lớn nhất của địa hình miền núi đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta là :**

1. Địa hình bị chia cắt mạnh, nhiều sông suối, hẻm vực gây trở ngại cho giao thông.
2. Địa hình dốc, đất dễ bị xói mòn, lũ quét, lũ nguồn dễ xảy ra.
3. Động đất dễ phát sinh ở những vùng đứt gãy sâu.
4. Thiếu đất canh tác, thiếu nước nhất là ở những vùng núi đá vôi.

**Câu 13. “Địa thế cao hai đầu, thấp ở giữa, chạy theo hướng tây bắc - đông nam”. Đó là đặc điểm núi vùng**

A. Tây Bắc. B. Đông Bắc.  C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.

**Câu 14. Nằm ở cực tây của năm cánh cung thuộc vùng núi Đông Bắc là dãy :**

A. Sông Gâm. B. Đông Triều. C. Ngân Sơn. D. Bắc Sơn

**Câu 15. Đây là hướng nghiêng của địa hình vùng Đông Bắc.**

A. Tây bắc - đông nam. B. Đông bắc - tây nam. C. Bắc - nam. D. Tây - đông.

**Câu 16. Nằm ở phía tây nam của hệ thống Trường Sơn Nam là cao nguyên :**

A. Plây-cu. B. Mơ Nông. C. Đắc Lắc. D. Di Linh.

**Câu 17. Đồng bằng châu thổ sông Hồng và đồng bằng châu thổ Cửu Long có chung một đặc điểm là:**

A. Có địa hình thấp và bằng phẳng. B. Có hệ thống đê ngăn lũ ven sông.

C. Hình thành trên vùng sụt lún của hạ lưu sông. D. Có hệ thống sông ngòi kênh rạch chằng chịt.

**Câu 18. Địa hình vùng đồi trung du và bán bình nguyên của nước ta thể hiện rõ nhất ở :**

A. Vùng đồi trung du thuộc dãy Trường Sơn Nam và Đông Nam Bộ.

B. Trên các cao nguyên xếp tầng ở sườn phía tây của Tây Nguyên.

C. Vùng đồi trung du thuộc dãy Trường Sơn Bắc và vùng thấp ở Tây Nguyên.

D. Rìa Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ.

**Câu 19. Cao nguyên đất đỏ ba dan rộng lớn nhất ở nước ta là :**

A. Đắc Lắc. B. Lâm Viên. C. Plây-cu. D. Di Linh.

***Câu 20. Đặc điểm nào sau đây KHÔNG phải là của vùng núi Tây Bắc ?***

A. Địa hình chia làm 3 dải C. Hướng chủ yếu Tây Bắc – Đông Nam

B. Cao ở hai đầu, thấp ở giữa D. Địa hình cắt xẻ mạnh

***Câu 21. Đặc điểm nào sau đây là của vùng núi Trường Sơn Nam?***

A. Hướng Tây Bắc – Đông Nam C. Sườn Tây dốc, sườn Đông thoải

B. Sườn Đông dốc, sườn Tây thoải D. Địa hình bị cắt xẻ mạnh

**Câu 22. Đồng bằng sông Hồng ngập lụt do yếu tố sau đây?**

A.Mưa bão trên diện rộng. C. Mức độ đô thị hoá cao nhất cả nước

B. Vùng trong đê không được bồi đắp phù sa D. Tất cả các ý trên.

**Câu 23. Loại khoáng sản có tiềm năng vô tận ở Biển Đông nước ta là :**

A. Dầu khí. B. Muối biển. C. Cát trắng. D. Titan.

**Câu 24 .Điểm cuối cùng của đường hải giới nước ta về phía nam là :**

A. Móng Cái. B. Hà Tiên. C. Rạch Giá. D. Cà Mau.

**Câu 25. Hạn chế lớn nhất của Biển Đông là :**

A. Tài nguyên sinh vật biển đang bị suy giảm nghiêm trọng.B. Thường xuyên hình thành các cơn bão nhiệt đới.

C. Hiện tượng sóng thần do hoạt động của động đất núi lửa.

D. Tác động của các cơn bão nhiệt đới và gió mùa đông bắc.

**Câu 26.Vân Phong và Cam Ranh là hai vịnh biển thuộc tỉnh (thành) :**

A. Quảng Ninh. B. Đà Nẵng. C. Khánh Hoà. D. Bình Thuận.

**Câu 27. Ở nước ta, nghề làm muối phát triển mạnh tại :**

A. Của Lò (Nghệ An). B. Thuận An (Thừa Thiên - Huế). C.Sa Huỳnh (Quảng Ngãi). D.Mũi Né (Bình Thuận).

**Câu 28. Đặc điểm của Biển Đông có ảnh hưởng nhiều nhất đến thiên nhiên nước ta là :**

A. Nóng, ẩm và chịu ảnh hưởng của gió mùa. C. Biển kín với các hải lưu chạy khép kín.

B. Có diện tích lớn gần 3,5 triệu km². D. Có thềm lục địa mở rộng hai đầu thu hẹp ở giữa.

**Câu 29. Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của Biển Đông được thể hiện rõ ở :**

A. Nhiệt độ nước biển. B. Dòng hải lưu. C. Thành phần loài sinh vầt biển. D. Cả ba ý trên.

**Câu 30. Vùng cực Nam Trung Bộ là nơi có nghề làm muối rất lí tưởng vì :**

A. Không có bão lại ít chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc.

B. Có nhiệt độ cao, nhiều nắng, chỉ có vài sông nhỏ đổ ra biển.

C. Có những hệ núi cao ăn lan ra tận biển nên bờ biển khúc khuỷu.

D. Có thềm lục địa thoai thoải kéo dài sang tận Ma-lai-xi-a.

**Câu 31.Vào đầu mùa hạ gió mùa Tây Nam gây mưa ở vùng :**

A. Nam Bộ. B. Tây Nguyên và Nam Bộ. C. Phía Nam đèo Hải Vân. D. Trên cả nước.

**Câu 32. Đây là một đặc điểm của sông ngòi nước ta do chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.**

A. Lượng nước phân bố không đều giữa các hệ sông. C. Phần lớn sông đều ngắn dốc, dễ bị lũ lụt.

B. Phần lớn sông chảy theo hướng tây bắc - đông nam. D. Sông có lưu lượng lớn, hàm lượng phù sa cao.

**Câu 33.Kiểu rừng tiêu biểu của nước ta hiện nay là :**

A. Rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh. C. Rừng gió mùa nửa rụng lá.

B. Rừng gió mùa thường xanh. D. Rừng ngập mặn thường xanh ven biển.

**Câu 34. Trong 4 địa điểm sau, nơi có mưa nhiều nhất là :**

A. Hà Nội. B. Huế. C. Nha Trang. D. Phan Thiết.

**Câu 35. Thời gian hoạt động của gió Tây Nam (gió mùa mùa hạ) là:**

A. Từ tháng 4 – tháng 10. C. Từ tháng 5 – tháng 10.

B.Từ tháng 4 – tháng 11 năm sau. D. Từ tháng 11 – 4 năm sau

**Câu 36. Nguyên nhân dẫn đến sự hình thành gió mùa là:**

A. Sự chênh lệch khí áp giữa lục địa và đại dương C. Sự chênh lệch độ ẩm giữa ngày và đêm

B. Sự hạ khí áp đột ngột D. Sự chênh lệch nhiệt và khí áp giữa lục địa và đại dương

**Câu 37.Đối với đất ở miền núi phải bảo vệ bằng cách :**

A. Đẩy mạnh thâm canh, bảo vệ vốn rừng.

B. Nâng cao hiệu quả sử dụng, có chế độ canh tác hợp lí.

C. Tăng cường bón phân, cải tạo thích hợp theo từng loại đất.

D. Áp dụng tổng thể các biện pháp thuỷ lợi, canh tác nông - lâm.

**Câu 38. Đây là biện pháp quan trọng nhằm bảo vệ sự đa dạng sinh học :**

A. Đưa vào “Sách đỏ Việt Nam” những động, thực vật quý hiếm cần bảo vệ.

B. Xây dựng hệ thống vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên.

C. Tăng cường bảo vệ rừng và đẩy mạnh việc trồng rừng.

D. Nghiêm cấm việc khai thác rừng, săn bắn động vật.

**Câu 39. Đồng bằng Duyên hải miền Trung ít bị ngập úng hơn Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long vì :**

A. Lượng mưa ở Duyên hải miền Trung thấp hơn.

B. Lượng mưa lớn nhưng rải ra trong nhiều tháng nên mưa nhỏ hơn.

C. Do địa hình dốc ra biển lại không có đê nên dễ thoát nước.

D. Mật độ dân cư thấp hơn, ít có những công trình xây dựng lớn.

**Câu 40. Vùng có tình trạng khô hạn dữ dội và kéo dài nhất nước ta là :**

A. Các thung lũng đá vôi ở miền Bắc. B. Cực Nam Trung Bộ.

C. Các cao nguyên ở phía nam Tây Nguyên. D. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 41.Ở nước ta bão tập trung nhiều nhất vào :**

A. Tháng 7. B. Tháng 8. C. Tháng 9. D. Tháng 10.

**Câu 42. Khu vực từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi, thời gian có nhiều bão là :**

A. Từ tháng 6 đến tháng 10. B. Từ tháng 8 đến tháng 10.

C. Từ tháng 10 đến tháng 11. D. Từ tháng 10 đến tháng 12.

**Câu 43. Đường biên giới trên biển giới hạn từ:**

A.Móng Cái đến Hà Tiên. B. Lạng Sơn đến Đất Mũi

C. Móng Cái đến Cà Mau. D. Móng Cái đến Bạc Liêu

**Câu 44: Địa hình đồi núi chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm diện tích nước ta ?**

A.50% B. 65% C. 75% D. 85%

**Câu 45: Cao nguyên có độ cao lớn nhất nước ta** :

A. Kon Tum B. Pleiku C. Đăk-Lắk D. Lâm Viên

**Câu46. Các đảo ven bờ nước ta chủ yếu tập trung ở vùng nào ?**

A.Ven biển Bắc Trung Bộ B. Ven biển Nam Trung Bộ C. Vịnh Thái Lan D. Vịnh Bắc Bộ

**Câu 47: Bờ biển của vùng nào khúc khuỷu nhất nước ta ?**

A. Ven biển Bắc Trung Bộ B. Ven biển Nam Trung Bộ C. Vịnh Thái Lan D. Vịnh Bắc Bộ

**Câu 48. Ranh giới để phân chia hai miền khí hậu chính ở nước ta là :**

A. Đèo Ngang. B. Dãy Bạch Mã. C. Đèo Hải Vân. D. Dãy Hoành Sơn.

**Câu 49.Nhận định đúng nhất về tài nguyên rừng của nước ta hiện nay là :**

A. Tài nguyên rừng đang tiếp tục bị suy giảm cả về số lượng lẫn chất lượng.

B. Dù tổng diện tích rừng đang được phục hồi nhưng chất lượng vẫn tiếp tục suy giảm.

C. Tài nguyên rừng của nước ta đang được phục hồi cả về số lượng lẫn chất lượng.

D. Chất lượng rừng đã được phục hồi nhưng diện tích rừng đang giảm sút nhanh.

**Câu 50. Khu bảo tồn thiên nhiên Cần Giờ thuộc :**

A. TP. Hải Phòng. B. TP Hồ Chí Minh. C. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. D. Tỉnh Cà Mau.

**Câu 51. Đây là điểm khác biệt về khí hậu giữa Duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ.**

**A**. Chỉ có Nam Trung Bộ mới có khí hậu cận Xích đạo. **B**. Mùa mưa của Nam Trung Bộ sớm hơn.

**C**. Nam Trung Bộ không chịu ảnh hưởng của phơn Tây Nam. **D**. Mùa mưa ở Nam Trung Bộ chậm hơn.

**Câu 52. Miền Bắc ở độ cao trên 600 m, còn miền Nam phải 1000 m mới có khí hậu á nhiệt. Vì:**

A. Địa hình miền Bắc cao hơn miền Nam. B. Miền Bắc mưa nhiều hơn miền Nam.

C. Nhiệt độ trung bình năm của miền Nam cao hơn miền Bắc. D. Miền Bắc giáp biển nhiều hơn miền Nam.

**Câu 53. Sông ngòi ở Tây Nguyên và Nam Bộ lượng dòng chảy kiệt rất nhỏ vì :**

A. Phần lớn sông ở đây đều ngắn, độ dốc lớn

B. Phần lớn sông ngòi ở đây đều nhận nước từ bên ngoài lãnh thổ.

C. Ở đây có mùa khô sâu sắc, nhiệt độ cao, bốc hơi nhiều.

D. Sông chảy trên đồng bằng thấp, phẳng lại đổ ra biển bằng nhiều chi lưu.

**Câu 54.“Địa hình núi đổ xô về mạn đông, có nhiều đỉnh cao trên 2000 m, phía tây là các cao nguyên”. Đó là đặc điểm của vùng :**

A. Đông Bắc. B. Tây Bắc. C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.

**Câu 55. Biên độ nhiệt trung bình năm và biên độ nhiệt tuyệt đối:**

A. Giảm dần từ Bắc vào Nam. C. Tăng dần từ Bắc vào Nam

B. Chênh lệch nhau ít giữa Bắc và nam. D. Tăng, giảm tùy lúc.

**PHẦN 2: PHẦN THỰC HÀNH**

**1. Phân tích Atlat**

- Xác định các dãy núi và hướng của nó trên Bản đồ

- Xác định vị trí một số Đảo và quần đảo lớn trên Bản đồ

- Xác định các con sông lớn

- Xác định vị trí các mỏ khoáng sản lớn

- Xác định vị trí của các vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển

- Xác định vị trí các cửa khẩu.

**2. Bài tập vẽ biểu đồ và nhận xét bảng số liệu**

- Cách tính cơ cấu, tỉ trọng

- Tính tốc độ tăng trưởng của các ngành kinh tế

- Nhận dạng các kiểu biểu đồ cơ bản (tròn, cột, miền, đường)